

Số: 18../CBTT-CMW

Cà Mau, ngày 13 tháng 7 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
2. Mã số doanh nghiệp: 2000101918
3. Mã chứng khoán: CMW
4. Trụ sở chính: Số 204 Quang Trung, phường 5, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
5. Điện thoại: 0290 3 836723 - Fax: 0290 3 836723
6. Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Định kỳ ☐ Bất thường

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau công bố thông tin về doanh nghiệp đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty như sau:

- Hợp đồng kiểm toán số 18/2020/HĐKT-SV ngày 13/7/2020 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

- Đơn vị kiểm toán là CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT.

- Địa chỉ: Lô 66, đường số 11, KDC Công ty CP Xây dựng TP. Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng. TP. Cần Thơ.

(Theo giấy ủy quyền số: 01/2020/UQ-SVA ngày 01/7/2020 của Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt - Địa chỉ: 386/51, Lê Văn sỹ, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh).

Thông tin này đã được công bố trên Website của Công ty, tại địa chỉ: <http://ctncamau.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCBTT.



**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Huỳnh Thiện Trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 13 tháng 07 năm 2020

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau

Số: 18/2020/HĐKT-SV

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Và

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

(Theo Giấy ủy quyền Số 01/2020/UQ-SVA ngày 01/07/2020

của Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt

Địa chỉ: 386/51, Lê Văn Sỹ, P.12, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 24/11/2015;

~~- Căn cứ Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 14/6/2005;~~

- Căn cứ vào Luật kiểm toán độc lập của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 29/3/2011;

- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

- Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

- Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 2410 về Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;

- Căn cứ vào Biên bản thương thảo hợp đồng số 18/BB-CNCM ngày 13/1/2020 giữa Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Hôm nay, ngày 13. tháng 07. năm 2020, tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau, chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết hợp đồng, gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU.

- Trụ sở đặt tại số: Số 204, Quang Trung, Khóm 3, P.5, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
- Tel: 0290.3836723 Fax: 0290.3836723
- Tài khoản VND số: 114000016358
- Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau
- Mã số thuế: **2000101918**
- Do Ông **HỒ TẤN LUẬT** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT làm đại diện

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT.

(Theo Giấy ủy quyền Số 01/2020/UQ-SVA ngày 01/07/2020 của Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt, địa chỉ: 386/51, Lê Văn Sỹ, P.12, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh).

- Trụ sở đặt tại số: Lô 66, đường số 11, KDC Công ty CP Xây Dựng TP. Cần Thơ, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại: 0292.3765999 Fax: 0292.3765766
- Tài khoản VND: 0111000171849
- Tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.
- Mã số thuế: **0304457750 - 001**
- Do Bà: **ĐẶNG THỊ THIÊN NGÀ** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Điều 1: Phạm vi hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên của Bên A (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020) và kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020.

Công việc của Bên B là soát xét bằng cân đối kế toán của Bên A lập ngày 30/06/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính của kỳ hoạt động kết thúc vào ngày trên, theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Bên B không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính này và do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính. Dịch vụ soát xét của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về báo cáo tài chính của Bên A.

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Tổng giám đốc và Ban điều hành Bên A chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này yêu cầu Bên A phải tổ chức thực hiện công việc kế toán và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ thích hợp, cũng như việc chọn và áp dụng các chính sách kế toán. Trong khuôn khổ công tác soát xét, Bên B sẽ yêu cầu Ban điều hành (bao gồm Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị) Bên A giải trình về các cơ sở dẫn liệu của báo cáo tài chính và các vấn đề quan trọng khác.

Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu báo cáo tài chính của Bên A được lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hoặc gian lận hay không. Tuy nhiên, do bản chất của gian lận, một cuộc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện một cách hợp lý vẫn có thể sẽ không phát hiện được các sai sót trọng yếu. Vì vậy, cuộc kiểm toán được thiết lập để đạt được sự đảm bảo hợp lý, nhưng không tuyệt đối rằng các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán cũng không nhằm phát hiện các nhầm lẫn và gian lận không mang tính trọng yếu đối với báo cáo tài chính cũng như không nhằm mục đích cung cấp một sự đảm bảo về hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc phát hiện các vấn đề thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Việc đưa ra ý kiến kiểm toán cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B tất nhiên sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập báo cáo. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ thông báo cho Ban điều hành Bên A.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên

Trách nhiệm của Bên A:

Ban điều hành Bên A có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban điều hành của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

(a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

(b) Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

(c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B: Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban điều hành nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác; Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban điều hành cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán; Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.



Ban điều hành Bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban điều hành", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Bên B cũng sẽ yêu cầu Ban điều hành Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình Kiểm toán. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban điều hành Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A. Vì tầm quan trọng của thư giải trình của Ban điều hành, Bên A đồng ý miễn trừ và bảo đảm cho Bên B và các nhân viên của họ khỏi các trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan đến dịch vụ quy định tại hợp đồng này phát sinh do việc giải trình sai của Ban điều hành Bên A.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban điều hành, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, trình độ và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban điều hành Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Do bản chất và những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ, có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài khả năng của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết sai sót. Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Ngoài ra còn các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Những thuật ngữ chung

Nhà thầu độc lập. Bên B được hiểu thống nhất là một nhà thầu độc lập. Bên B không được coi và sẽ không được coi là một đại lý, một hội viên, một người uỷ thác hay đại diện của Bên A hoặc các cấp tương đương trong bộ máy quản lý của Bên A.

Sở hữu hồ sơ kiểm toán. Hồ sơ kiểm toán được lập trong quá trình Bên B thực hiện công việc là tài sản của Bên B. Hồ sơ này là các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và được Bên B lưu trữ theo quy định và thủ tục của Bên B theo từng thời kỳ.

Sử dụng internet. Các Bên xác nhận rằng:

(a) Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai Bên có các yêu cầu khác;

(b) Các Bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị sửa đổi làm sai lệch nội dung và bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các Bên sẽ kiểm tra vi-rút tất cả các thông tin liên lạc nhận hoặc gửi đi giữa hai Bên.

Giải trình và đảm bảo. Mỗi Bên giải trình và cam kết bảo đảm thực hiện với Bên kia các vấn đề sau:

(a) Mỗi Bên là một đơn vị tồn tại thực sự và được thành lập hợp pháp, có đủ quyền hạn để thực hiện công việc kinh doanh như hiện tại, ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, và tuân thủ toàn bộ các yêu cầu do luật pháp quy định cũng như các yêu cầu khác liên quan đến công việc kinh doanh của mình;

(b) Mỗi Bên có đầy đủ quyền lợi, quyền hạn và năng lực pháp lý để ký kết và ràng buộc vào Hợp đồng này

Chuyển giao trách nhiệm: Ngoại trừ những điều dưới đây, không một Bên nào được phân công, chuyển giao hoặc uỷ quyền quyền lợi và nghĩa vụ của mình liên quan đến Hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn, quyền lợi hoặc những khiếu kiện liên quan đến Hợp đồng này) mà không được sự đồng ý chính thức bằng văn bản của các Bên còn lại. Bên B có thể chuyển giao hoặc ký Hợp đồng phụ chuyển



giao quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến Hợp đồng này tới bất cứ một Chi nhánh nào của mình tại Việt Nam.

Cung cấp thông tin. Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận chào hàng hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là:

(a) Khi soạn thảo thư chào hàng, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải vắn tắt mô tả nội dung công việc.

(b) Khi soạn thảo các tài liệu quảng cáo chung, Bên B phải được sự đồng ý cụ thể của Bên A trước khi phát hành các tài liệu này.

Điều 4: Loại hợp đồng, giá hợp đồng và đồng tiền sử dụng cho hợp đồng

(a) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

(b) Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí khác: 75.000.000 đồng
(Ghi bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng).

(c) Đồng tiền sử dụng cho hợp đồng: Việt Nam đồng.

Điều 5: Thời gian thực hiện hợp đồng: theo kế hoạch thực hiện tại Điều 9 của hợp đồng.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

Nếu công việc phát sinh ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, hoặc do người có thẩm quyền thay đổi phạm vi thì hai Bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng.

Điều 7: Sản phẩm hợp đồng, tạm ứng, thanh toán hợp đồng

Sản phẩm hợp đồng: Bên B sẽ giao cho Bên A gồm:

- 06 bộ Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về báo cáo tài chính của Bên A bằng tiếng Việt.
- 08 bộ Báo cáo tài chính đã kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A bằng tiếng Việt.
- 01 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 2410, số 700, số 705 và số 706, và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Các báo cáo nêu trên Bên B phải gửi kèm file mềm vào địa chỉ mail: tuancnccamau@gmail.com



Tạm ứng hợp đồng: 50% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng và Bên B nhận đủ hồ sơ tạm ứng của Bên A bao gồm: Giấy đề nghị tạm ứng;

Thời hạn và hồ sơ thanh toán:

- Hồ sơ thanh toán, quyết toán Hợp đồng bao gồm:

- + 06 bộ báo cáo soát xét, 08 bộ báo cáo kiểm toán và file mềm (có Biên bản giao nhận hồ sơ).
- + Hóa đơn GTGT (01 bản gốc);
- + Biên bản tất toán hợp đồng.
- + Giấy đề nghị thanh toán.

- Khi nhận đủ hồ sơ Bên A sẽ chuyển thanh toán cho Bên B số tiền còn lại trong vòng 15 ngày làm việc.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản (nếu Bên B có thay đổi số tài khoản, phải thông báo bằng văn bản cho Bên A).

Điều 8: Sửa đổi và diễn giải mang tính hồi tố

Kết quả Kiểm toán của Bên B dựa trên các diễn giải của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong các Báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Rủi ro này được Bên A xác nhận.

Điều 9: Kế hoạch thực hiện kiểm toán

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện kiểm toán như sau:

	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Soát xét báo cáo tài chính bán niên tại ngày 30/06/2020		
Lập kế hoạch soát xét	Tháng 6/2020	Tháng 6/2020
Thực hiện các thủ tục soát xét	Tháng 7/2020	Tháng 7/2020
Dự thảo báo cáo kết quả công tác soát xét	Tháng 7/2020	Tháng 7/2020
Phát hành báo cáo kết quả công tác soát xét		Ngay sau khi thống nhất hai bên (trước 05/8/2020)



Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Cập nhật kế hoạch kiểm toán	Tháng 12/2020	Tháng 12/2020
Tham gia chứng kiến kiểm kê ở thời điểm 31/12/2020	31/12/2020	31/12/2020
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	Tháng 02/2021	Tháng 02/2021

Lập báo cáo:

Dự thảo báo cáo của kiểm toán viên	Tháng 3/2021
Phát hành báo cáo của kiểm toán viên	Ngay sau khi thống nhất hai bên (trước 10/3/2021)
Thư quản lý (nếu có)	Ngay sau khi thống nhất hai bên

Điều 10: Các vấn đề về tính độc lập

Liên quan đến cuộc kiểm toán, Bên A và Bên B có vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm tính độc lập của Bên B. Vì thế, Bên A sẽ đảm bảo rằng Bên A có áp dụng các chính sách và các thủ tục nhằm mục đích đảm bảo Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ mà Bên A có thể yêu cầu này cần được thảo luận trước với Bên B.

Bên A sẽ phối hợp với Bên B nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị ảnh hưởng do Bên A tuyển dụng các thành viên Ban Tổng giám đốc, nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí chủ chốt của Bên A mà có khả năng dẫn đến việc vi phạm các quy định hiện hành về tính độc lập. Việc Bên A tuyển dụng các nhân viên cũ hoặc hiện tại của Bên B cần được thảo luận với Bên B trước khi Bên A tiến hành phỏng vấn tuyển dụng các nhân viên đó.

Nhằm tuân thủ các chuẩn mực và quy định của Việt Nam về tính độc lập, Bên A đồng ý cung cấp cho Bên B các thông tin bao gồm:

(a) Mô tả về cơ cấu của công ty trong đó xác định rõ tên gọi pháp lý của các công ty thành viên (ví dụ các công ty mẹ, các công ty con, các nhà đầu tư, các đơn vị nhận đầu tư), cùng với mô tả về mối quan hệ sở hữu giữa các đơn vị này.

(b) Cổ phiếu và trái phiếu của công ty và các công ty thành viên hiện đang chào bán cho các nhà đầu tư riêng lẻ (thông qua thị trường chứng khoán, hoặc các thị trường tương tự khác, hoặc thông qua chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác), cùng với các thông tin mô tả các loại chứng khoán liên quan (ví dụ ký hiệu loại chứng khoán).



Điều 11: Thường, phạt hợp đồng

Trường hợp do lỗi của Bên B dẫn đến chậm tiến độ phát hành báo cáo kiểm toán Bên B sẽ chịu bị phạt 0,5% /01 ngày chậm tiến độ/giá trị hợp đồng và tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng (không được chậm quá 05 ngày làm việc).

Phạt do chậm thời gian: Nếu Bên B chậm phát hành báo cáo kiểm toán vượt 05 ngày làm việc nếu do lỗi của Bên B thì Bên A có quyền công bố thông tin ngày chậm trễ do lỗi của bên B trên trang thông tin điện tử của Bên A.

Trường hợp Bên B chậm phát hành báo cáo kiểm toán cho Bên A nếu do lỗi của Bên B, nên Bên A chậm cung cấp thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước dẫn đến bị phạt thì Bên B chịu trách thanh toán tiền phạt này cho bên A. Trong trường hợp Bên A chậm công bố thông tin do lỗi của Bên A thì Bên B không chịu trách nhiệm thanh toán tiền phạt cho Bên A.

Trường hợp chậm phát hành báo cáo kiểm toán do Bên A soát xét chậm và hoặc do các bên có liên quan đến Bên A thì báo cáo kiểm toán sẽ được phát hành chậm hơn so với qui định trong hợp đồng, trong trường hợp này hai bên cùng cố gắng đảm bảo để Bên B có đủ thời gian phát hành báo cáo kiểm toán và chuyển đến Bên A và đồng thời để Bên A kịp thời công bố thông tin theo luật định. Trong trường hợp Bên B nhận thấy việc chậm trễ của Bên A làm cho Bên B không đủ thời gian để phát hành báo cáo kiểm toán và chuyển báo cáo cho Bên A để công bố thông tin kịp thời thì Bên B sẽ thông báo kịp thời cho Bên A để Bên A biết, trong trường hợp này Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm vật chất và pháp lý nào với Bên A và các bên có liên quan.

Điều 12: Trao đổi thông tin

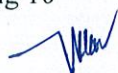
Bên A có trách nhiệm phân công nhân sự cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết cho Bên B, các tài liệu, thông tin đảm bảo chính thống và hai bên phải có văn bản giao nhận.

Trong trường hợp cần thông tin gấp, hai bên có thể trao đổi bằng điện thoại, email, fax,... nhưng sau đó các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu phải được xác nhận lại bằng văn bản.

Ngoài ra, hai Bên còn có thể trao đổi thông tin tùy theo tính chất công việc của từng bộ phận chuyên môn.

Điều 13: Kết thúc hợp đồng trước thời hạn, hủy hợp đồng, bồi thường hợp đồng.

Hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp bất khả kháng (Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, phá sản...). Trong vòng 48h sau khi sự cố xảy ra bên bị ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản. Trong trường hợp này không áp



dụng nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng, nhưng phải lập hồ sơ quyết toán hợp đồng.

Nếu trường hợp buộc phải chấm dứt (hủy) hợp đồng do một bên vi phạm hợp đồng, bên hủy sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản nêu lý do cụ thể, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực trong vòng 07 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo. Hai bên bàn bạc tất toán hợp đồng nếu không thương lượng được sẽ kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết (Bên nào sai bên đó chịu trách nhiệm bồi thường). Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là quyết định cuối cùng và bắt buộc phải thực hiện đối với cả 2 bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu do bất cẩn, thiếu sót, chậm trễ của Bên B gây ra do lỗi của Bên B dẫn đến các khoản lỗ, tổn thất, chi phí hay thiệt hại nào cho Bên A thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường lại cho Bên A theo kết quả do Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau phán quyết. Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là quyết định cuối cùng và bắt buộc phải thực hiện đối với cả 2 bên.

Mặc dù có các thỏa thuận trên nhưng Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Bên A về các khoản lỗ, tổn thất, chi phí, thiệt hại nếu các thông tin mang tính trọng yếu đối với các dịch vụ được thực hiện trong hợp đồng này bị Bên A hoặc bên thứ ba cung cấp thiếu, từ chối cung cấp, che giấu, cung cấp thông tin không đúng, không chính xác hoặc giải trình sai đối với Bên B. Trong trường hợp này, hai bên đồng ý sẽ tự trao đổi và thống nhất mà không cần có sự phán quyết của tòa án.

Bên B không chịu trách nhiệm đối với bất cứ bên thứ ba nào liên quan đến báo cáo kiểm toán hay bất kỳ sự tin cậy nào vào báo cáo kiểm toán. Ngoại trừ trong trường hợp được pháp luật quy định.

Điều 14: Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải mới đưa vụ tranh chấp ra Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết. Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là quyết định cuối cùng và bắt buộc phải thực hiện đối với cả 2 bên.

Điều 15: Hiệu lực và thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.



Điều 16: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này.

Trong quá trình thực hiện nếu có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung nội dung của Hợp đồng thì hai bên sẽ cùng nhau thảo luận, xem xét cho phù hợp với tình hình thực tế.

Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này phải lập thành văn bản và được người có thẩm quyền của hai bên ký.

Hợp đồng gồm có 12 trang, 16 điều và được lập thành 06 bộ tiếng Việt, bên A giữ 04 bộ, bên B giữ 02 bộ, và kèm theo biên bản thương thảo hợp đồng số 18/BB-CNCM ngày ..13../...07../2020, các bộ hợp đồng kèm theo biên bản thương thảo hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU



ĐẠI DIỆN BÊN B
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN SAO VIỆT



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ỦY QUYỀN

Số: 01/2020/UQ-SVA

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt ngày 08/3/2019.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2020 tại Văn phòng Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, chúng tôi gồm:

Bên ủy quyền (Bên A): CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Trụ sở: 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Quân

Số CCCD: 080058000313 cấp ngày 08/6/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL và QLQG về dân cư

Số ĐKKD: 0304457750 cấp sửa đổi lần 07 ngày 09/3/2019 do Sở KH&ĐT Thành phố HCM

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên nhận ủy quyền (Bên B): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Trụ sở: Lô 66, Đường số 11, Khu Dân cư Công ty CP Xây dựng TP. Cần Thơ, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Đại diện: Bà Đặng Thị Thiên Nga

Số CMND: 362479850 cấp ngày 24/8/2012 tại Công an Thành phố Cần Thơ

Số ĐKKD: 0304457750-001 sửa đổi lần 04 ngày 22/01/2019 do Sở KH&ĐT Thành phố Cần Thơ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh

Nội dung ủy quyền:

Bên A thông qua văn bản này Ủy quyền cho bên B thay mặt mình ký kết Hợp đồng kinh tế; Hồ sơ dự thầu; bảo lãnh dự thầu; Ký đơn dự thầu; Ký thỏa thuận liên danh; Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT; Ký văn bản sửa đổi, thay thế, rút HSDT; Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng; Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng; Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị; Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn; Ký báo cáo kiểm toán độc lập, ký kết hồ sơ, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và làm việc với các cơ quan chức năng liên quan, ký hồ sơ cấp phép của Chi nhánh tại Thành phố Cần Thơ; điều hành hoạt động Chi nhánh tại Cần Thơ.

Cam đoan:

1. Bên A cam đoan chịu trách nhiệm về mọi việc do Bên B thực hiện theo nội dung trong giấy ủy quyền này.
2. Bên B đồng ý nhận thực hiện việc ủy quyền nói trên của Bên A và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về công việc thực hiện.
3. Bên B cam đoan chỉ nhân danh Bên A để thực hiện việc ủy quyền nêu trong giấy ủy quyền này.
4. Giấy ủy quyền này có thời hạn 05 năm.

Ký kết:

Bên A và Bên B từng người một đã đọc lại nguyên văn giấy ủy quyền này, hiểu rõ nội dung và cùng ký tên dưới đây làm bằng chứng.



BÊN A

NGUYỄN MẠNH QUÂN



BÊN B

ĐẶNG THỊ THIÊN NGÀ